

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THẠCH AN
TỈNH CAO BẰNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01 /2020/TCDS-ST

Ngày 05/3/2020

V/v: Tranh chấp đất đai

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THẠCH AN**

Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Thị Hương

Các Hội thẩm nhân dân:

1, Ông Trần Đình Vỹ

2, Ông Ngô Văn Hoàn

Thư ký phiên toà: Ông Nông Văn An – Thẩm tra viên Toà án nhân dân huyện Thạch An, tỉnh Cao Bằng

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạch An tham gia phiên toà: Ông Đàm Hải Thao - Kiểm sát viên.

Ngày 05/3/2020 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Thạch An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 03/2019/TLST- TCDS ngày 27 tháng 02 năm 2019 Về việc tranh chấp đất đai. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2020/ QĐXX- ST ngày 31 tháng 01 năm 2020. Giữa các đương sự:

1- Nguyên đơn: Lô Văn K

Địa chỉ: Tổ dân phố a, thị trấn Đ, huyện T, tỉnh C;

2- Bị đơn: Lương Thị N

Địa chỉ: Tổ dân phố b, thị trấn Đ, huyện T, tỉnh C;

3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

Nông Thị V – Người được ủy quyền Nông Đức H

Địa chỉ: Nà L – Thôn P, thị trấn Đ, huyện T, tỉnh C;

Nông Thị Y

Địa chỉ: Tổ dân phố c, thị trấn Đ, huyện T, tỉnh C.

Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên toà.

Người làm chứng:

- Nông Thị Đ

Địa chỉ: Bản N, xã D, huyện T, tỉnh C;

- Vũ Thị T

Địa chỉ: Số nhà q, tổ n, phường H, thành phố C, tỉnh C;

- Lương Thị Q

Địa chỉ: Nà G, xã Đ, huyện T, tỉnh C;

- Vi Thị L

Địa chỉ: Tổ dân phố d, thị trấn Đ, huyện T, tỉnh C.

- Chu Quang T

Địa chỉ: Tổ dân phố đ, thị trấn Đ, huyện T, tỉnh C;

- Lô Cao T

Địa chỉ: Tổ dân phố p, thị trấn Đ, huyện T, tỉnh C.

Người làm chứng: Chu Quang T, Vi Thị L có mặt tại phiên tòa;

Người làm chứng: Nông Thị Đ, Vũ Thị T, Lương Thị Q, Lô Cao T vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong quá trình giải quyết vụ án, tại phiên tòa Nguyên đơn Nông Đức H là người được ủy quyền khai: Gia đình ông có hai đám rẫy có tên gọi theo tiếng địa phương là Cốc K và Hang P đã kê khai vào Hợp tác xã năm 1959, Khi còn Hợp tác xã các hộ gia đình cán bộ, công nhân viên chức huyện T dựng nhà ở, khi Hợp tác xã giải thể gia đình ông đã yêu cầu các hộ gia đình dựng nhà trên hai đám rẫy Cốc K và Hang P trả lại đất cho gia đình thì 07 hộ gia đình dựng nhà trên đất đã cùng gia đình ông thỏa thuận chuyển nhượng đất cho nhau không có tranh chấp và hai hộ khác đã dỡ nhà trả lại đất cho gia đình, riêng bà Lương Thị N không chịu trả đất (bà N dựng nhà trên đám đất rẫy có tên gọi là Cốc K của gia đình tôi (H), thửa đất số 7, tờ bản đồ số 63, diện tích 159,3 m² tại tổ dân phố c, thị trấn Đ, huyện T, tỉnh C, mặc dù gia đình ông đã nhắc nhở nhiều lần nhưng bà N không chịu trả đất mà bà còn đưa ra lý do đã có giấy tờ mua bán đất với bà Hoàng Tài D, khi bà N xây tường bao quanh và xây dựng nhà ở, gia đình ông đã nhiều lần nhắc nhở nhưng bà N không nghe. Nay ông H yêu cầu Tòa án giải quyết như sau: Diện tích đất năm 2000 ông Nông Quốc T (chồng bà Y) là em ruột bố ông H đã chuyển nhượng 13,0 m² đất cho bà Lương Thị N, ông nhất trí để bà N quản lý, sử dụng, phần còn lại (159,3 m² – 13,0 m² = 146,3 m²) ông yêu cầu được quyền quản lý, sử dụng.

Đối với việc mua bán đất giữa bà N và bà D, nay bà N không yêu cầu giải quyết tranh chấp đất đai theo giấy tờ mua bán đất của bà D, mà bà yêu cầu Tòa giải quyết làm rõ thửa đất là của ai thì bà sẽ có trách nhiệm trao đổi, thỏa thuận đất với người đó tôi (H) nhất trí. Ngoài ra ông không có yêu cầu gì thêm.

Bị đơn: Lương Thị N có ý kiến và yêu cầu: Gia đình bà có thửa đất số 7, tờ bản đồ số 63, diện tích 159,3 m², địa chỉ thửa đất: Khu c, thị trấn Đ, huyện T, tỉnh C, nguồn gốc thửa đất năm 1983 bà đã mua đất với bà Hoàng Tài D và dựng nhà ở từ đó, đến năm 2000 bà N mua đất với ông Nông Quốc T với diện tích là 13,0 m² đất (đất liền kề với thửa đất mà bà N đang quản lý sử dụng). Gia đình bà mua đất với bà D có giấy tờ mua bán đất ngày 16/11/1983 và mua đất với ông Nông Quốc T có giấy chuyển nhượng đất vườn ngày 06/01/2000.

Hiện nay thửa đất của gia đình bà, người được ủy quyền Nông Đức H địa chỉ: Tổ dân phố c, thị trấn Đ, huyện T yêu cầu các cơ quan có thẩm quyền giải quyết tranh chấp đất với gia đình bà. Sự việc tranh chấp này đã được các cơ quan hòa giải, giải quyết nhưng chưa dứt điểm. Nay tại phiên tòa bà yêu cầu được quyền quản lý sử dụng diện tích đất 13,0 m² năm 2000 ông Nông Quốc T đã chuyển nhượng cho bà, còn diện tích đất bà mua với bà D dựng nhà ở và sử dụng làm vườn trồng rau, cây ăn quả, ông Nông Đức H tranh chấp đất với bà,

bà yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết làm rõ thửa đất là của ai thì bà sẽ có trách nhiệm trao đổi thỏa thuận đất với người đó chứ bà không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết diện tích đất mà bà đã mua với bà D năm 1983 vì tại thời điểm mua đất bà cũng không biết là đất của ai, giấy tờ mua bán đất không có người làm chứng, không có xác nhận chính quyền địa phương. Nay tại phiên tòa qua các chứng cứ do Tòa án thu thập và người làm chứng khai về nguồn gốc thửa đất bà N nhất trí với yêu cầu ông H và bà sẽ tự trao đổi thỏa thuận đất với ông H khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Nông Thị Y trình bày:

Năm 2000 chồng bà là ông Nông Quốc T có chuyển nhượng cho bà N 13,0 m² đất, nguồn gốc đất là do bố mẹ chồng chia cho vợ chồng bà, Nay ông H yêu cầu được quyền quản lý thửa đất số 7, tờ bản đồ số 63, diện tích 159,3 m² bà có ý kiến phần đất mà gia đình bà đã chuyển nhượng cho bà N, bà không có ý kiến gì, phần đất còn lại của thửa đất số 7, tờ bản đồ số 63 là của gia đình ông Từ bà V, bà N khai diện tích đất tranh chấp là do bà đã mua với bà D là không có sự thật, bà (Y) đã gặp bà D trao đổi bà D nói không được bán đất cho bà N. Nay yêu cầu bà N trả lại đất cho ông T, bà V (ông H) quản lý, sử dụng.

Ngày 22 tháng 10 năm 2019 Tòa án nhân dân huyện T đã tiến hành xem xét, thẩm định tại chỗ thửa đất, kết quả cho thấy thửa đất số 7, tờ bản đồ số 63, diện tích 159,3 m² tại tổ dân phố c, thị trấn Đ, huyện T, thửa đất gồm hai phần, một phần là diện tích 13,0 m² là đất ông T (chồng bà Y) chuyển nhượng cho bà N năm 2000 đang sử dụng làm vườn, phần còn lại hiện trạng thửa đất có 01 nhà xây cấp 4 và khu công trình vệ sinh, phía trước nhà xây là đất vườn trồng rau và cây ăn quả, phía Đông, phía Nam và phía tây đã xây bằng tường bao quanh bằng gạch ba banh, phần diện tích đất 13,0 m² nằm trong tổng diện tích thửa đất số 7 tờ bản đồ số 63 diện tích 159,3 m².

Việc kê khai đất để cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất các bên đương sự đều khai do đất đang có tranh chấp nên chưa hộ nào được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Ngày 09 tháng 12 năm 2019 Tòa án nhân dân huyện T đã có văn bản số: 563/2019/CV-TA, xin ý kiến UBND huyện Thạch An về thửa đất tranh chấp giữa ông K, bà N, bà V (Nông Đức H), ngày 23/12/2019 UBND huyện T trả lời bằng văn bản số: 933/UBND-TNMT như sau:

1. Thửa đất số 7, tờ bản đồ số 63, diện tích 159,3 m² không nằm trong quy hoạch đường giao thông và đất quy hoạch để xây dựng các công trình phúc lợi khác của thị trấn Đ, huyện T giai đoạn 2016 – 2030.

2. Thửa đất chưa được cấp GCNQSD đất lý do thời điểm kê khai là đất đang tranh chấp.

3. Năm 1983 - 1984 bà N xây dựng nhà ở không xin phép ý kiến của UBND huyện T, từ năm 1984 đến nay UBND huyện không cấp Giấy phép xây dựng nào cho bà N dựng nhà trên thửa đất số 7, tờ bản đồ số 63 vì bà N không có đơn xin cấp phép xây dựng.

4. Việc bà N khai thửa đất đang tranh chấp đã mua với bà Hoàng Tài D nhưng qua kiểm tra hồ sơ địa chính thì bà N không làm thủ tục hợp đồng chuyển nhượng và chưa được cấp có thẩm quyền xác nhận theo quy định.

5. Khi kê khai để cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ông S không kê khai thửa đất số 7, tờ bản đồ số 63, diện tích 159,3 m², còn phần diện tích đất khác ông S quản lý, sử dụng ông đã kê khai và việc cấp GCNQSD đất năm 2011 đến tháng 11 năm 2019 đã được cấp đổi cho con là Lô Văn K và bà Triệu Thị B trú tại tổ dân phố b, thị trấn Đ, huyện T.

Ngày 14/01/2020 Tòa án nhân dân huyện T tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải. Tại phiên họp ông H nhất trí đề bà N được quản lý, sử dụng diện tích đất 13,0 m², ông T chuyển nhượng cho bà N năm 2000 và có yêu cầu được quyền quản lý sử dụng diện tích đất còn lại trong thửa số 7, tờ bản đồ số 63 thửa đất tại tổ dân phố c, thị trấn Đ, bị đơn Lương Thị N không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết giấy bán đất ghi ngày 16/11/1983 giữa bà N với bà Hoàng Tải D mà chỉ yêu cầu Tòa án xem xét thửa đất số 7, tờ bản đồ số 63 thuộc quyền quản lý sử dụng của ai, khi bản án có hiệu lực pháp luật bà N sẽ có trách nhiệm trao đổi thỏa thuận với ông H và bà yêu cầu được quyền quản lý sử dụng diện tích đất 13,0 m² năm 2000 ông Nông Quốc T đã chuyển nhượng cho bà.

Người làm chứng: Khi Tòa án xác minh thu thập chứng cứ và tại phiên Tòa người làm chứng xác định ranh giới và thửa đất là đất của bà V ông T (bố mẹ đẻ ông H) địa chỉ tại Nà L, thôn P, thị trấn Đ, huyện T. Bởi đám rẫy trước kia có bờ nay sử dụng là con đường đi.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T tham gia phiên tòa phát biểu và có ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng các quy định của Bộ Luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án. Người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật.

Về giải quyết vụ án: Đây là vụ án tranh chấp đất đai giữa nguyên đơn: Nông Đức H bị đơn Lương Thị N, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Nông Thị Y.

Quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

Về thủ tục tố tụng: Tòa án nhân dân huyện Thạch An, tỉnh Cao bằng đã thụ lý vụ án dân sự về việc tranh chấp đất đai giữa nguyên đơn Lô Văn K, bị đơn Lương Thị N và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Nông Thị V người được ủy quyền Nông Đức H, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Nông Thị Y, Tòa án đã ra quyết định đưa vụ án ra xét xử, trước khi mở phiên tòa nguyên đơn Lô Văn K đã có đơn xin rút đơn khởi kiện, căn cứ điểm c, khoản 1 Điều 217, ngày 26/02/2020 Tòa án đã ra Quyết định đình chỉ đối với yêu cầu của nguyên đơn Lô Văn K.

Căn cứ khoản 2 Điều 217 nguyên đơn rút toàn bộ yêu cầu khởi kiện, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan không rút yêu cầu đối với bị đơn. Do vậy đối với vụ án này địa vị tố tụng thay đổi, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Nông Thị V người được ủy quyền Nông Đức H trở thành nguyên đơn và bị đơn là Lương Thị N.

[1] Về nguồn gốc thửa đất tranh chấp, các bên đương sự không cung cấp được tài liệu chứng cứ gì liên quan đến thửa đất, ông H, bà Y khai đất do ông cha để lại.

[1.1]. Về quá trình quản lý sử dụng: Bà N là cán bộ công nhân viên chức công tác tại huyện T do không có nhà ở, nên năm 1983 (thời kỳ còn Hợp tác xã) dựng nhà trên thửa đất số 7, tờ bản đồ số 63, địa chỉ tổ dân phố c, thị trấn Đ, huyện T khi Hợp tác xã giải thể năm 1989 gia đình bà Nông Thị V yêu cầu bà N trả lại đất hoặc trả tiền đất cho gia đình, nhưng

bà N không trả đất mà đưa ra giấy tờ mua bán đất với bà Hoàng Tài D giấy lập ngày 16/11/1983. Gia đình bà V đã nhiều lần yêu cầu bà N trả đất nhưng bà N vẫn không chịu trả.

[2]. Quá trình kê khai đất để cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: Các bên đương sự đều khai do đất đang tranh chấp nên chưa có bên nào kê khai.

[2.2]. Ngày 22/10/2019 Tòa án nhân dân huyện Thạch An đã tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ thửa đất tranh chấp thấy thửa đất số 7, tờ bản đồ số 63, diện tích 159,3 m² có hai phần, một phần là diện tích đất ông Nông Quốc T (em ruột) ông T đã chuyển nhượng cho bà N (chồng là ông H) 13,0 m² theo giấy chuyển nhượng đất vườn lập ngày 06/01/2000 (nằm trong tổng diện tích 159,3 m² tại thửa đất số 7, tờ bản đồ số 63). Tứ cận tiếp giáp: Phía Đông giáp đất bà Nông Thị H (ông T chuyển nhượng cho bà H); phía Bắc và phía Tây giáp đất, nhà bà N; Phía Nam giáp đất ông Nông Trọng T (bà V) hiện nay bà N sử dụng trồng rau. Phần còn lại trên đất có 01 nhà xây cấp 4, công trình phụ, và trồng rau, cây ăn quả, phía Đông và phía Tây đã xây tường bằng gạch ba banh. Tứ cận thửa đất số 7, tờ bản đồ 63 tiếp giáp như sau: Phía Đông Giáp đất bà Nông Thị H (ông Thắng chuyển nhượng cho bà H); Phía tây giáp đất đang tranh chấp giữa bà B với ông D; Phía Nam giáp đất ông L và ông T (bố ông H); Phía Bắc giáp đường đi lại và nhà xây ông Bé Minh T.

[2.3]. Đối với Giấy bán đất của bà Hoàng Tài D với bà Lương Thị N lập ngày 16/11/1983, ngày 16/4/2019 TAND huyện T ủy thác cho TAND huyện Krông B, tỉnh Đắk L, ngày 03/5/2019 Tòa án nhân dân huyện Krông B, tỉnh Đắk L lấy lời khai bà Hoàng Thị D (Hoàng Tài D) thấy bà D khai không được bán đất cho bà N, bà N khai như vậy là không đúng.

[2.4]. Đối với Giấy xác nhận của người làm chứng (các cụ cao tuổi) thôn Nà L lập giấy xác nhận cho gia đình bà V về hai đám rẫy Cốc K và Hang P mà thửa đất số 7, tờ bản đồ số 63 mà bà N đang quản lý sử dụng nằm trong đám rẫy Cốc K từ năm 1959 ông H bố đẻ các ông (L, T, T) đã kê khai vào Hợp tác xã, giấy có chữ ký các ông, bà cao tuổi ký tên và có chữ ký của trưởng thôn xóm các thời kỳ.

[2.5]. Đối với công văn số: 933/UBND-TNMT, ngày 23/12/2019, UBND huyện T trả lời như sau:

1. Thửa đất số 7, tờ bản đồ số 63, diện tích 159,3 m² không nằm trong quy hoạch đường giao thông và đất quy hoạch để xây dựng các công trình phúc lợi khác của thị trấn Đ, huyện T giai đoạn 2016 - 2030.

2. Thửa đất chưa được cấp GCNQSD đất lý do thời điểm kê khai là đất đang tranh chấp.

3. Năm 1983 - 1984 bà N xây dựng nhà ở không xin phép ý kiến của UBND huyện T, từ năm 1984 đến nay UBND huyện không cấp Giấy phép xây dựng nào cho bà N dựng nhà trên thửa đất số 7, tờ bản đồ số 63 vì bà N không có đơn xin cấp phép xây dựng.

4. Việc bà N khai thửa đất đang tranh chấp đã mua với bà Hoàng Tài D nhưng qua kiểm tra hồ sơ địa chính thì bà N không làm thủ tục hợp đồng chuyển nhượng và chưa được cấp có thẩm quyền xác nhận theo quy định.

Như vậy việc bà N khai mua đất với bà D và việc bà N dựng nhà ở trên thửa đất đều không tuân thủ theo quy định của pháp luật, đối với ông K khi kê khai đất cũng không kê khai thửa đất số 7, tờ bản đồ số 63.

Xét ý kiến, yêu cầu của nguyên đơn Nông Đức H diện tích đất 13,0 m² nằm trong tổng diện tích thửa đất số 7, tờ bản đồ số 63 mà ông Nông Quốc T đã chuyển nhượng cho bà Lương Thị N năm 2000, ông nhất trí để bà N quản lý sử dụng, phần đất còn lại thửa đất số 7 (159,3 m² – 13,0 m² = 146,3 m²) ông yêu cầu được quyền quản lý sử dụng. Hội đồng xét xử xét thấy ý kiến, yêu cầu của ông H có căn cứ pháp luật.

Xét ý kiến, yêu cầu của bị đơn: Lương Thị N yêu cầu được quyền quản lý sử dụng diện tích 13,0 m² đất ông T đã chuyển nhượng cho bà năm 2000 có xác nhận của chính quyền địa phương và các bên đương sự không tranh chấp 13,0 m² là có căn cứ pháp luật. Đối với phần đất còn lại bà N thừa nhận việc mua bán đất giữa bà với và Hoàng Tài D khi mua bán đất không có người làm chứng, không có xác nhận chính quyền địa phương, do vậy bà yêu cầu tòa giải quyết đất là của ai sau khi bản án có hiệu lực pháp luật bà sẽ có trách nhiệm trao đổi, thỏa thuận đất với người đó. Hội đồng xét xử xét thấy ý kiến của bà Lương Thị N là có căn cứ.

Xét ý kiến bà Nông Thị Y diện tích 13,0 m² đất năm 2000 ông T chồng bà đã chuyển nhượng cho gia đình bà N và ông H cũng không tranh chấp 13,0 m² đất, bà nhất trí bà N được quyền quản lý sử dụng, diện tích đất 13,0 m² nằm trong tổng diện tích 159,3 m² tại thửa đất số 7, tờ bản đồ số 63, phần đất còn lại (159,3 m² – 13,0 m² = 146,3 m²) yêu cầu tòa giải quyết ông H là người được quyền quản lý, sử dụng.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điều luật và giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Với những căn cứ như trên Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu được quyền quản lý, sử dụng phần đất còn lại tại thửa đất số 7, tờ bản đồ số 63 (159,3 m² – 13,0 m² = 146,3 m²) đối với ông Nông Đức H là có căn cứ pháp luật. Bà N yêu cầu được quyền quản lý, sử dụng 13,0 m² đất nằm trong tổng diện tích thửa đất số 7, tờ bản đồ số 63 là có căn cứ pháp luật cần được chấp nhận.

Các tài sản trên đất: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt vấn đề xem xét.

[3]. Về án phí: Đương sự phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên :

QUYẾT ĐỊNH

[1]. Căn cứ Điều 203 Luật đất đai năm 2013; Điều 158, 166, Điều 579, 580 của Bộ luật dân sự năm 2015.

[2]. Nay xử:

[2.1]. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn Nông Đức H là người được quyền quản lý, sử dụng hợp pháp thửa đất số 7, tờ bản đồ số 63, diện tích (159,3 m² – 13,0 m² = 146,3 m²). Địa chỉ thửa đất tại Tổ dân phố 3, thị trấn Đ, huyện T, tỉnh C.

Tứ cận tiếp giáp: Phía Đông Giáp đất bà Nông Thị H (ông T chuyển nhượng cho bà H); Phía tây giáp đất đang tranh chấp giữa bà B với ông D; Phía Nam giáp đất ông L và ông T (bố ông H); Phía Bắc giáp đường đi lại và nhà xây ông Bế Minh T.

[2.2]. Chấp nhận yêu cầu của bị đơn Lương Thị N được quyền quản lý sử dụng 13,0 m² đất nằm trong tổng diện tích tại thửa đất số 7, tờ bản đồ số 63, diện tích 159,3 m². Địa chỉ thửa đất tại Tổ dân phố c, thị trấn Đ, huyện T, tỉnh Cao B.

Tứ cận tiếp giáp: Phía Đông giáp đất bà Nông Thị H (ông Thắng chuyển nhượng cho bà H); phía Bắc và phía Tây giáp đất, nhà bà N; Phía Nam giáp đất ông Nông Trọng T (bà V)

[3]. Về án Phí: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 26; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14, ngày 30 tháng 12 năm 2016, của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc bà Lương Thị N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc giải quyết tranh chấp đất đai 300.000,đ (Ba trăm nghìn đồng) sung ngân sách Nhà nước.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định của tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 luật thi hành án dân sự.

Án xử sơ thẩm công khai, báo cho các bên đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

(Đã ký)

Trần Đình Vỹ

Ngô Văn Hoàn

THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

(Đã ký)

Nguyễn Thị Hương